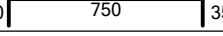
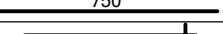
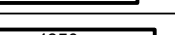
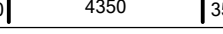
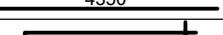
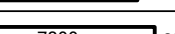
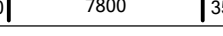
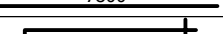
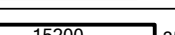
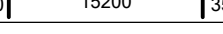
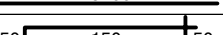
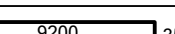
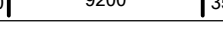
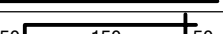
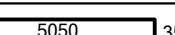
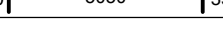
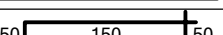
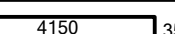
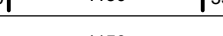
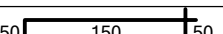
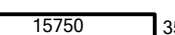
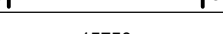
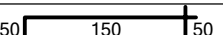
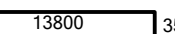
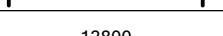
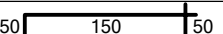
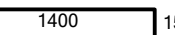
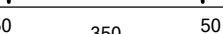
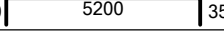
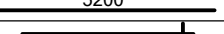
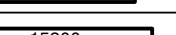
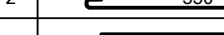
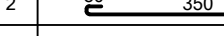
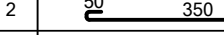
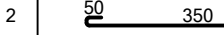
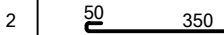
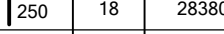
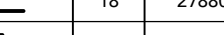
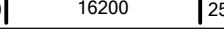
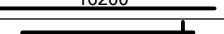
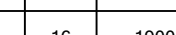
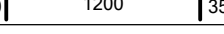
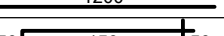
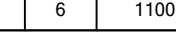


BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DS1 SL: 02	1	350  350	16	1450	2	4	5.8	9.15
	2	 750	16	750	2	4	3	4.74
	3	350  50	6	1100	3	6	6.6	1.46
DS2 SL: 02	1	350  350	16	5050	3	6	30.3	47.81
	2	 4350	16	4350	3	6	26.1	41.18
	3	350  50	6	1100	28	56	61.6	13.67
DS3 SL: 02	1	350  350	16	8500	2	4	34	53.66
	2	 7800	16	7800	2	4	31.2	49.24
	3	350  50	6	1100	50	100	110	24.41
DS4 SL: 02	1	350  350	16	16540	3	6	99.24	156.63
	2	 15200	16	15840	3	6	95.04	150.01
	3	350  50	6	1100	92	184	202.4	44.92
DS5 SL: 02	1	350  350	16	9900	2	4	39.6	62.50
	2	 9200	16	9200	2	4	36.8	58.08
	3	350  50	6	1100	58	116	127.6	28.32
DS6 SL: 06	1	350  350	16	5750	3	18	103.5	163.36
	2	 5050	16	5050	3	18	90.9	143.47
	3	350  50	6	1100	30	180	198	43.95
DS7 SL: 02	1	350  350	16	4850	3	6	29.1	45.93
	2	 4150	16	4150	3	6	24.9	39.30
	3	350  50	6	1100	26	52	57.2	12.70
DS8 SL: 02	1	350  350	16	17090	3	6	102.54	161.84
	2	 15750	16	16390	3	6	98.34	155.21
	3	350  50	6	1100	97	194	213.4	47.36
DS9 SL: 02	1	350  350	16	15140	3	6	90.84	143.38
	2	 13800	16	14440	3	6	86.64	136.75
	3	350  50	6	1100	88	176	193.6	42.97
ĐHG4 SL: 04	1	150  150	14	1700	2	8	13.6	16.43
	2	 350 50	6	450	10	40	18	4.00
- Trọng lượng thép có đường kính <=10: 263.76 kg - Trọng lượng thép có đường kính <=18: 1638.67 kg - Trọng lượng thép có đường kính > 18: 0.00 kg								

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DL1 SL: 04	1	350  350	16	5900	3	12	70.8	111.75
	2	 5200	16	5200	3	12	62.4	98.49
	3	350  50	6	1100	33	132	145.2	32.23
GT1 SL: 02	1	150  150	12	15980	3	6	95.88	85.12
	2	 350 50	6	450	102	204	91.8	20.38
GT2 SL: 02	1	150  150	12	15380	3	6	92.28	81.93
	2	 350 50	6	450	98	196	88.2	19.58
ĐHG5 SL: 04	1	150  150	16	2200	2	8	17.6	27.78
	2	 350 50	6	450	14	56	25.2	5.59
ĐHG6 SL: 06	1	150  150	14	1500	2	12	18	21.75
	2	 350 50	6	450	9	54	24.3	5.39
ĐHG7 SL: 04	1	150  150	14	1300	2	8	10.4	12.57
	2	 350 50	6	450	8	32	14.4	3.20
- Trọng lượng thép có đường kính <=10: 86.37 kg - Trọng lượng thép có đường kính <=18: 439.39 kg - Trọng lượng thép có đường kính > 18: 0.00 kg								

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
DM1 SL: 02	1	250  250	18	28380	2	4	113.52	226.77
	2	 26800	18	27880	2	4	111.52	222.77
	3	350  50	6	1100	170	340	374	83.01
DM2 SL: 02	1	350  250	18	17340	2	4	69.36	138.55
	2	 16200	18	16740	2	4	66.96	133.76
	3	350  50	6	1100	103	206	226.6	50.29
DMM SL: 012	1	350  350	16	1900	2	24	45.6	71.97
	2	 1200	16	1200	2	24	28.8	45.46
	3	350  50	6	1100	5	60	66	14.65
- Trọng lượng thép có đường kính <=10: 147.95 kg - Trọng lượng thép có đường kính <=18: 839.28 kg - Trọng lượng thép có đường kính > 18: 0.00 kg								

CÔNG TRÌNH	PROJECT		
XÂY DỰNG NHÀ ĐA NĂNG TRƯỜNG TH VÀ THCS THÁC MỎ, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, TỈNH ĐỒNG NAI			
ĐỊA CHỈ:	ADDRESS		
PHƯỜNG PHƯỚC LONG, TỈNH ĐỒNG NAI			
CHỦ ĐẦU TƯ	OWNER		
PHÒNG KINH TẾ PHƯỜNG PHƯỚC LONG			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN			
ACC			
ĐỊA CHỈ	ADDRESS		
ĐƯỜNG HUỖNH MẪN ĐẠT, PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI TEL : 0913735605			
GIÁM ĐỐC	DIRECTOR		
ĐÀO HỮU TUẤN			
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	CHIEF ARCHITECT		
KS PHẠM ĐỨC THO			
THỂ HIỆN	DESIGNER		
KS PHẠM ĐỨC THO			
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	CHECKED BY		
KS: PHẠM ĐỨC THO			
HẠNG MỤC	ITEMS		
NHÀ ĐA NĂNG			
TÊN BẢN VẼ	DRAWING NAME		
BẢNG THỐNG KÊ THÉP			
LOẠI HỒ SƠ	ISSUED FOR		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
TỈ LỆ/SCALE	NĂM/YEAR	KÝ HIỆU	DRAW No. KC22/24
	2026		